

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 321/2025/DS-PT

Ngày: 25 - 8 - 2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị My My

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương

Bà Vũ Ngọc Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 296/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 280/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T. Địa chỉ: Thôn Đ, xã D (địa chỉ cũ là xã E, huyện K), tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H. Địa chỉ: Thôn Y, xã D (địa chỉ cũ là xã E, huyện K), tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh V. Địa chỉ: Thôn Đ, xã D (địa chỉ cũ là xã E, huyện K), tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

+ Ông Lưu Huy C và bà Lưu Thị Mót . Địa chỉ: Thôn Y, xã D (địa chỉ cũ là xã E, huyện K), tỉnh Đắk Lắk – Điều vắng mặt.

- Ông Lưu Tuấn A. Địa chỉ: Thôn Y, xã D (địa chỉ cũ là xã E, huyện K), tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bà Lưu Thị Y. Địa chỉ: Thôn Y, xã D (địa chỉ cũ là xã E, huyện K), tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai, bà **Nguyễn Thị Thanh T trình bày:** Trước đây tôi có bán phân bón cho vợ chồng bà Lê Thị H và ông Lưu Huy K. Tính đến ngày 02/01/2019, thì ông bà H, K còn nợ của chúng tôi số tiền mua phân bón là 44.000.000 đồng (việc nợ có ông Lưu Huy K ký xác nhận). Ngày 31/5/2019, bà H và ông K tiếp tục nợ thêm 7.000.000 đồng (có bà H ký xác nhận). Tiếp đến ngày 16/01/2020 thì vợ chồng bà H, ông K nợ của chúng tôi tổng số tiền 56.000.000 đồng. Nay ông Lưu Huy K (chồng bà H) đã chết nên tôi làm đơn khởi kiện để buộc bà Lê Thị H phải trả cho gia đình tôi số tiền như giấy xác nhận nợ là 56.000.000 đồng.

Vào năm 2017, vợ chồng bà Lê Thị H và ông Lưu Huy K có chốt cà phê nhân của tôi để cho con đi học và mua máy phát cỏ và có hẹn cuối năm trả nhưng không trả. Tổng số nợ cà phê qua các lần chốt là 424kg cà phê nhân đủ độ. Nay tôi làm đơn khởi kiện bổ sung để yêu cầu bà H phải trả số cà phê đã chốt trên.

- **Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Thanh V trình bày:** Tôi và bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng. Chúng tôi mở Đại lý phân bón “Việt Thanh” thời điểm từ năm 2018 và thu mua cà phê (chốt) của người dân trong khu vực. Quá trình kinh doanh, buôn bán thì chúng tôi có cung ứng, bán cũng như mua (chốt) cà phê cho nhiều người. Về nguồn gốc số nợ của ông Lưu Huy K và bà Lê Thị H đã mua phân bón, bán cà phê (chốt cà phê) cho chúng tôi nhiều lần. Qua mỗi lần nợ, chốt thì đều được chúng tôi ghi vào sổ công nợ và ông K, bà H đã ký nhận, được thể hiện qua các lần như sau: Ngày 02/01/2019, ông Lưu Huy K còn nợ chúng tôi 44.000.000 đồng tiền mua phân bón, hẹn cuối năm sẽ trả và thỏa thuận lãi suất là 1,2%/ tháng. Việc nợ có chữ ký của ông Lưu Huy K; ngày 31/5/2019, bà Lê Thị H tiếp tục mua phân bón và nợ chúng tôi số tiền 7.000.000 đồng và cũng hẹn cuối năm sẽ trả. Việc nhận nợ có chữ ký của bà Lê Thị H.

Như vậy, ông Lưu Huy K và bà Lê Thị H đã nợ chúng tôi số tiền mua phân bón là 51.000.000 đồng và lãi suất như đã thỏa thuận.

Cuối năm 2019, do ông Lưu Huy K và bà Lê Thị H không trả đúng hẹn nên tôi và ông K có thống nhất chốt nợ với nhau, cụ thể là tính cả gốc và lãi thì đến thời điểm (cuối năm 2019) ông K, bà H đã nợ chúng tôi là 56.000.000 đồng (bao gồm cả gốc và lãi). Việc chốt nợ được tôi và ông Lưu Huy K cùng ký xác nhận vào phía dưới trang của sổ nợ.

Nay yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T đề nghị bà Lê Thị H phải có trách nhiệm trả và liên đới trả số nợ trên và số nợ cả phê nhân xô theo như yêu cầu thì tôi cũng đề nghị xem xét để bảo đảm quyền lợi cho chúng tôi.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tiến hành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là bà Lê Thị H đã từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc nguyên đơn rút số lượng 74kg cà phê nhân xô.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc bà Lê Thị H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thanh V số tiền nợ 56.000.000 đồng và 350kg cà phê nhân xô quy chuẩn

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/4/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST, ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Viện kiểm sát cho rằng việc Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T1 là chưa đảm bảo tính có căn cứ và chưa xem xét vụ án một cách khách quan, toàn diện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự cụ thể như sau: Vi phạm về việc không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng; Xác định sai tư cách tố tụng của nguyên đơn; Vi phạm về việc thu thập tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10).

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 10), tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng được thực hiện trong thời hạn và theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk rút một phần kháng nghị đối với nội dung về việc không đưa các con của ông Lưu Huy K tham gia tố tụng và rút nội dung về việc xác định sai tư cách người tham gia tố tụng. Bổ sung nội dung không xác định giá cả phê tại thời điểm xét xử để tính án phí dân sự có giá ngạch, xác định thiếu quan hệ pháp luật tranh chấp đối với khoản nợ cà phê.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk và việc rút một phần kháng nghị bổ sung nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là chưa đầy đủ và không toàn diện, chưa phản ánh đúng tính chất của các yêu cầu khởi kiện và nội dung tranh chấp thực tế. Cụ thể, theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bị đơn là bà Lê Thị H phải thanh toán hai khoản nợ gồm: Khoản nợ tiền mua phân bón và khoản nợ 424 kg cà phê nhân đủ độ phát sinh từ việc vợ chồng bị đơn “chốt cà phê” để tiêu dùng và có cam kết sẽ trả nhưng không thực hiện. Nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ giao dịch vay cà phê của nguyên đơn, hay là việc bị đơn bán cà phê gửi nguyên đơn giữ hộ để lấy tiền để xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn là hai quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp sơ thẩm xác định một quan hệ pháp luật tranh chấp là thiếu sót.

[2.2]. Về thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ:

Bị đơn Bà Lê Thị H và chồng là ông K (đã chết). Vợ chồng bà H, ông K đã nhiều lần mua phân bón của vợ chồng bà T, ông V và có ứng tiền chốt nợ cà phê hai bên có lập giấy nợ có ký nhận. Như khoản nợ tiền 56.000.000 đồng, nguyên đơn khởi kiện với yêu cầu buộc bà Lê Thị H phải trả số tiền 56.000.000 đồng. Số tiền này được xác định là tổng nợ gốc và lãi từ các lần mua phân bón (44.000.000 đồng vào ngày 02/01/2019, 7.000.000 đồng vào ngày 31/5/2019, chốt tổng cộng 56.000.000 đồng vào ngày 16/01/2020). Việc xác nhận chốt nợ 56.000.000 đồng chỉ có chữ ký của ông Lưu Huy K (chồng bị đơn bà H) và ông Nguyễn Thanh V (chồng nguyên đơn bà T) nhưng không có chữ ký, chữ viết của bà Lê Thị H. Đối với khoản nợ 350kg cà phê nhân xô: Qua các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ là một tờ giấy rời xé ra từ sổ nợ năm 2017, ghi nhận các lần “chốt cà” của bà H gồm: 200kg, 100kg và 50kg, tổng cộng 350kg. Tuy nhiên, các ghi chép không đầy đủ, không có chữ viết ghi rõ họ tên người xác nhận, một số ghi nhận chỉ có chữ “H” không rõ ai viết, một số chữ ký không trùng khớp với chữ ký được cho là của bà H và ông K. Đồng thời trong suốt quá trình thụ lý giải quyết phía bị đơn bà H không đến Tòa án làm việc nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành giám định chữ ký, chữ viết trong các giấy nợ chỉ căn cứ vào những chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Như vậy, vi phạm tố tụng trong việc thu thập chứng cứ và đánh giá chứng cứ theo quy định tại Điều 93, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Xác định người có nghĩa vụ trả nợ:

Tại Biên bản xác minh ngày 01/8/2024 (Bút lục số 32) xác định “ông Lưu Huy K có bố là Lưu Huy C, mẹ là Lưu Thị M, vợ là Lê Thị H, con trai là Lưu Tuấn A, con gái là Lưu Thị Y đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk”. Ông K đã mất nhưng cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà T, ông V số tiền nợ 56.000.000 đồng và 350kg cà phê nhân xô quy chuẩn mà không tuyên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K cũng phải có trách nhiệm trả nợ là chưa phù hợp.

[2.4] Về xác định án phí, nghĩa vụ chịu án phí:

Tại phần quyết định, cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Lê Thị H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thanh V 350 kg cà phê nhân xô quy chuẩn. Nhưng không buộc bị đơn phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và không thu thập chứng cứ về giá cà phê tại thời điểm xét xử để làm căn cứ tính án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nên dẫn đến thiếu sót trong Quyết định tuyên nghĩa vụ chịu án phí.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ. Xác định thiếu người cùng chịu nghĩa vụ, chưa xác định án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, giải quyết vụ án chưa triệt để, mà

cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10).

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST, ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk) và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 10 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My